

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS - ST

Ngày: 27 - 9 - 2023

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyệt;
2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hồng Buôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-DS ngày 04/7/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST- DS ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2 L, phường Th, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Ch - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S. (Theo Quyết định về việc uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHN ngày 01/12/2022 của ông Phạm Toàn V). Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Di, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1978 và chị Đinh Thị H, sinh năm 1979.

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Đều vắng mặt.

Người phiên dịch: Bà Đinh Thị H - Cán bộ hưu trí thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Vào ngày 16/3/2020 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H ký hợp đồng tín dụng số 4505LAV202000440 về việc cho anh T, chị H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, đến hạn trả gốc ngày 16/3/2023, định kỳ trả lãi 12 tháng/lần, lãi suất vay 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn mua keo chăm sóc và khai thác. Để làm tin cho khoản vay, chị H và anh T tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 929011, vào sổ số H.00011 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H ngày 22/12/2008, diện tích 1395m² tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 9 thuộc Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cho Ngân hàng để tín chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị H và anh T không thực hiện đúng cam kết, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu anh, chị trả nợ và lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 27/9/2023 anh T, chị H còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 4505LAV202000440 tổng số tiền là 52.745.891đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000đồng, lãi trong hạn là 1.323.288đồng, lãi quá hạn là 1.422.603đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2023 là 52.745.891đồng; trong đó: nợ gốc là 50.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 1.323.288đồng, lãi quá hạn là 1.422.603đồng và tiếp tục trả lãi theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 4505LAV202000440 ngày 16/3/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng sẽ hoàn trả lại cho anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 929011, vào sổ số H.00011 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H ngày 22/12/2008, diện tích 1395m² tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 9 thuộc Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sau khi anh T và chị H trả hết số tiền cho Ngân hàng. Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H: Sau khi thụ lý và xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T và chị H cư trú thì được biết anh T và chị H đã đi làm keo tại các tỉnh Tây Nguyên từ cuối tháng 5/2023 đến nay không có tin tức gì và không biết địa chỉ nơi cư trú mới. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; từ ngày 21/7/2023 anh T và chị H có mặt tại địa phương, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T và chị H

nhận nhưng từ chối ký nhận văn bản tố tụng, không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Qua xác minh tại địa phương, xác định bị đơn anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H đã vắng mặt tại địa phương nơi cư trú từ cuối tháng 5/2023 đến nay không có tin tức gì. Trong quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đầy đủ được quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, từ ngày 21/7/2023 anh T và chị H có mặt tại địa phương, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T và chị H nhưng từ chối ký nhận văn bản tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy việc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H có nghĩa vụ trả số tiền tính đến ngày 27/9/2023 là 52.745.891đồng là có căn cứ.

Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, Điều 351, Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; các Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và buộc anh Đinh Văn T, chị Đinh Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 52.745.891đồng, trong đó: tiền gốc 50.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 27/9/2023 là 2.745.891đồng. Anh T và chị H phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 27/9/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam hoàn trả lại cho anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 929011, vào sổ số H.00011 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H ngày 22/12/2008, diện tích 1395m² tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 9 thuộc Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sau khi anh, chị trả hết số tiền cho Ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là cá nhân ký hợp đồng vay vốn với mục đích mua keo chăm sóc và khai thác, vì vậy đây là tranh chấp dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các thủ tục tố tụng nhưng anh T và chị H không có ở nhà, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú, cơ quan có thẩm quyền cho biết anh T và chị H đã bỏ nhà đi làm ăn xa từ cuối tháng 5/2023 đến nay không có tin tức gì về nơi cư trú mới. Do đó, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh T, chị H vẫn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, từ ngày 21/7/2023 anh T và chị H có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T và chị H nhưng từ chối ký nhận văn bản tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có tại hồ sơ thì vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H có vay vốn của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 4505LAV202000440 ngày 16/3/2020, số tiền vay là 50.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, đến hạn trả gốc cuối cùng ngày 16/3/2023, lãi suất vay 11%/năm, định kỳ trả lãi 12 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn mua keo chăm sóc và khai thác.

Để làm tin cho khoản vay, chị H và anh T tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 929011, vào sổ số H.00011 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H ngày 22/12/2008, diện tích 1395m² tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 9 thuộc Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cho Ngân hàng để tín chấp.

Trong quá trình vay vốn, anh T và chị H không trả nợ gốc và lãi theo đúng thỏa thuận như hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2023) anh T, chị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 52.745.891đồng; trong đó nợ gốc là 50.000.000đồng, lãi trong hạn là 1.323.288đồng và lãi quá hạn là 1.422.603đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H phải thanh toán

số tiền nợ trên (tính đến ngày 27/9/2023) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4505LAV202000440 ngày 16/3/2020 là phù hợp với các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 929011, vào sổ số H.00011 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 22/12/2008, diện tích 1395m² tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 9 thuộc Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đứng tên Đinh Văn T và Đinh Thị H đã tín chấp, Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh T, chị H sau khi anh chị trả hết số tiền cho Ngân hàng.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, Điều 351, Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; các Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S, Quảng Ngãi đối với vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H.

Buộc vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S, Quảng Ngãi tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2023) là 52.745.891 đồng (*Năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi một đồng*); trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.323.288 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.422.603 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2023) cho đến khi thi hành án xong khoản nợ anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp

đồng tín dụng số 4505LAV202000440 ngày 16/3/2020 đã ký Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S, Quảng Ngãi.

3. Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S, Quảng Ngãi hoàn trả lại cho anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 929011, vào sổ số H.00011 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 22/12/2008, diện tích 1395m² tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 9 thuộc Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sau khi anh T, chị H trả hết số tiền cho Ngân hàng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H phải nộp số tiền 2.637.294đồng. Hoàn lại trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện S số tiền 1.320.479đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005084 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Mến